

Bản án số: 11/2020/HS-ST
Ngày 28 - 4 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cà Văn Đại và bà Thảo Thị Dua.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Hoàng Văn C, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1985; tại: huyện T, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: bản M (M B), xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu; nơi tạm trú: bản L (H), xã H, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 1/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Hoàng Văn M (đã chết) và bà Hoàng Thị L (Hoàng Thị N), sinh năm 1946; bị cáo có vợ Hà Thị D, sinh năm 1984 và 01 con sinh năm 2012; tiền án: có 01 tiền án (ngày 05/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”); tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 29/4/2008 bị Tòa án nhân dân huyện M, xử phạt 06 tháng tù về tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; ngày 25/12/2008 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái, xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã được xoá án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: anh Lê Mạnh Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Quàng Thị T, sinh năm 1979; nơi cư trú: bản L, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 07/01/2020, Hoàng Văn C điều khiển xe máy hiệu YAMAHA, loại Sirius, Biển kiểm soát (BKS) 26k2- 1975 đến cửa hàng điện thoại của anh Lê Mạnh Đ ở bản N, xã P, huyện M để sửa điện thoại; kiểm tra điện thoại anh Đ nói với C điện thoại không sửa được, rồi đi vào phía trong nhà; cùng lúc C thấy 01 chiếc ví màu đen để trên mặt bàn, cách vị trí C đứng khoảng 03m, quan sát thấy không có người C liền đi vào lấy chiếc ví cất vào túi quần bên phải đang mặc rồi điều khiển xe máy về, khi đi đến Tiểu khu N, thị trấn I, huyện M, C mở ví ra kiểm đếm có tổng số tiền 2.670.000 VNĐ, C lấy toàn bộ số tiền mua ma túy của người không biết tên và địa chỉ, chiếc ví C ném xuống suối.

Phát hiện bị mất tài sản anh Đ kiểm tra hình ảnh qua hệ thống camera của cửa hàng phát hiện người chiếm đoạt tài sản, anh Đ đã gặp C nhưng C không nói gì nên hồi 11 giờ ngày 09/01/2020 anh Đ đã có đơn trình báo đề nghị cơ quan chức năng điều tra xác minh làm rõ, số tiền bị mất là 2.670.000 VNĐ.

Hồi 14 giờ ngày 09/01/2020 Hoàng Văn C đã đến Ủy ban nhân dân xã P, huyện M khai báo toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Đ và bị bắt giữ.

Ngày 10/01/2020 Cơ quan chức năng tổ chức khám nghiệm hiện trường và ngày 14/01/2020 cho anh Đ nhận dạng xác định người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của anh là Hoàng Văn C; anh Đ cho rằng C không có khả năng trả nên không yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt, chiếc ví đã cũ không có giá trị và không yêu cầu gì khác.

Tiến hành điều tra, cơ quan chức năng thu giữ với Hoàng Văn C 01 xe máy hiệu YAMAHA, loại Sirius, BKS 26k2- 1975; 01 mũ bảo hiểm chùm đầu nhãn hiệu C&H- HELMET màu xanh sẫm; 01 túi da màu nâu kích thước chiều dài 25 cm, chiều rộng 30 cm, túi có một dây đeo màu nâu. Thực hiện truy tìm chiếc ví C ném xuống suối và xác định người bán trái phép chất ma túy theo lời khai của C nhưng không có kết quả.

Ngày 27/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã quyết định trả lại xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, BKS 26k2- 1975 cho Quàng Thị T.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKS-ML ngày 20/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Hoàng Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do nghiện ma túy, không có tiền chi tiêu nên nảy sinh ý định và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo xin hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố bị cáo Hoàng Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn C từ 12 đến 18 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe máy cho chị Quàng Thị T, tịch thu và tiêu hủy của Hoàng Văn C: 01 mũ bảo hiểm chùm đầu nhãn hiệu C&H- HELMET màu xanh sẫm; 01 túi da màu nâu kích thước chiều dài 25 cm,

chiều rộng 30 cm. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Hoàng Văn C tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại đề nghị xét xử vắng mặt, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tài sản chiếm đoạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quàng Thị T đề nghị xét xử vắng mặt, đã nhận lại chiếc xe máy và không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản khám nghiệm hiện trường, nhận dạng, lời khai bị hại, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: khoảng 9 giờ ngày 07/01/2020 bị cáo C điều khiển xe máy hiệu YAMAHA, loại Sirius, BKS 26k2- 1975 của chị Quàng Thị T đến cửa hàng điện thoại của Lê Mạnh Đ ở bản N, xã P, huyện M. Quan sát thấy không có người bị cáo liền lấy chiếc ví của anh Đ để trên mặt bàn bên trong ví có tổng số tiền là 2.670.000VNĐ, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Như vậy, Hoàng Văn C là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, với lỗi cố ý trực tiếp bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu lén lút chiếm đoạt tài sản có trị giá 2.670.000VNĐ; hành vi đó đã xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hoàng Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo tuổi còn trẻ, đã được cải tạo giáo dục rèn luyện bản thân nhiều lần (đã chấp hành án phạt tù) nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, ăn chơi đua đòi, thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác, đã lén lút chiếm đoạt tài sản, mục đích chi tiêu

cá nhân. Tội phạm bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, đã hoàn thành, hậu quả xảy ra không những xâm phạm quyền sở hữu, làm thiệt hại về tài sản của anh Đ mà còn làm ảnh hưởng đến chính sách về giáo dục người phạm tội của Nhà nước, ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo phạm tội và đề nghị phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 05/01/2016 bị Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc phải trả lại số tiền 2.000.000VNĐ, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù về địa phương nhưng đến ngày 07/01/2020 chưa thi hành nghĩa vụ dân sự hoàn trả số tiền 2.000.000VNĐ, chưa hết thời hiệu thi hành bản án, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo chưa được xóa án tích lại cố ý phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm; theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì C đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên đã phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau khi thực hiện tội phạm, bị cáo biết đã bị phát hiện nên đã đến Ủy ban nhân dân xã P đầu thú khai báo vi phạm, trị giá tài sản chiếm đoạt không lớn; bị cáo là người dân lao động, người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, nhận thức pháp luật hạn chế, tuổi bị cáo còn trẻ cần xem xét giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu (nhiều lần bị kết án) là đối tượng nghiện ma túy (phiếu xét nghiệm dương tính (+) với ma túy), chính quyền địa phương xác định bị cáo không chấp hành quy định của địa phương, không có khả năng tự cải tạo nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: cần áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm

giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2020 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[8] Đối với hành vi bị cáo khai đã sử dụng số tiền chiếm đoạt mua ma túy của người không biết tên địa chỉ, Cơ quan chức năng không có cơ sở chứng minh, xử lý theo vụ án.

[9] Vật chứng của vụ án:

01 xe máy hiệu YAMAHA, loại Sirius, BKS 26k2- 1975 là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Quàng Thị T; chị T không biết việc bị cáo sử dụng đi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại chủ sở hữu là đúng thẩm quyền, có căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Hiện đang lưu kho vật chứng: 01 mũ bảo hiểm chòm đầu nhãn hiệu C&H-HELMET; 01 túi da màu nâu kích thước chiều dài 25 cm, chiều rộng 30 cm, túi có một dây đeo màu nâu là vật dụng của bị cáo, bị cáo không nhận lại, vật không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[10] Về trách nhiệm dân sự: anh Lê Mạnh Đ và chị Quàng Thị T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không có căn cứ giải quyết theo vụ án này.

[11] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là người dân tộc thiểu số nhưng không ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn C 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (09/01/2020); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm chòm đầu nhãn hiệu C&H- HELMET; 01 túi da màu nâu kích thước chiều dài 25 cm, chiều rộng 30 cm, của Hoàng Văn C.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/3/2020 giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Hoàng Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/4/2020); riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA huyện M (CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà

